TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YTH **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS-ST
Ngày: 14/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YTH TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ Ph1ên toà: Ông Dương Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Ngọc Thắng.

Bà Nguyễn Thị Cương.

Thư ký Ph1ên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YTh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh - Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại Ph1ên tòa.

Ngày 14/5/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện YTh mở Ph1ên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2020/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS, ngày 06/3/2020; Quyết định hoãn Ph1ên tòa số 03/2020/QĐ-ST ngày 20/3/2020; Thông báo thay đổi thời gian mở lại Ph1ên tòa đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn L1; Tên gọi khác: Không có; Sinh năm 1995; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Ph, xã PhX(nay là thị trấn PhX), huyện YTh, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Bố: Trần Văn L2, sinh năm 1963; Mẹ: Lâm Thị L3, sinh năm 1964; Vợ: Trần Thị Thúy D1, sinh năm 1999(đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2018; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ 03; Tiền án: Bản án số 37/2015/HS-ST ngày 15/9/2015, Trần Văn L1 bị Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/6/2016, chưa chấp hành án phí và bồi thường dân sự; Tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 19/4/2012, Trần Văn L1 bị Chủ tịch UBND huyện YTh, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng, chấp hành xong ngày 09/02/2014; Bị cáo bị giữ khẩn cấp ngày 18/11/2019, tạm giam từ ngày 20/11/2019. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại Ph1ên tòa).

***Bị hại:**

1. Anh Lăng Đình Ph1, sinh năm 1987, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Th1, xã ĐL, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Đặng Văn T1, sinh ngày 31/10/2003, (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của Đặng Văn T1: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1974, (Vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn LGi, xã TH, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1998, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐB, xã TH, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trần Thế H2, sinh năm 1974, (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn ChCh, xã ĐL, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Lâm Văn S1, sinh năm 1987, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ph, xã PhX(thị trấn PhX) , huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Đặng Văn L4, sinh năm 1974, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phố TQu, thị trấn NhN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Mai Văn H3, sinh năm 1990, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐĐ8, xã TTr, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Hoàng Tuấn A1, sinh năm 1992, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ThCh, xã PhX(thị trấn PhX) , huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Hoàng Văn Th1, sinh năm 1972, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐB, xã TH, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

7. Chị Dương Thị H4, sinh năm 1975, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ChS, xã NgCh, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

8. Anh Lăng Đàm Ng1, sinh năm 1987, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Th1, xã ĐL, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

9. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1974, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn LGi, xã TH, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

10. Anh Hoàng Văn L5, sinh năm 1995, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐB, xã TH, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Gia Lan H5, sinh năm 1994, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ch, xã PhX(thị trấn PhX), huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Lục Văn H6, sinh năm 2000, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn BB, xã NhN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Văn Qu1, sinh năm 1980, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã TH, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Trần Thị Thúy Qu2, sinh năm 1998, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ch, xã PhX(thị trấn PhX), huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

5. Chị Vi Khánh H7 , sinh năm 2001, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn HTh, xã TTh, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Hoàng Văn Qu3, sinh năm 1970, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ThCh, thị trấn PhX (xã PhX), huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

7. Anh Trần Văn L2, sinh năm 1963, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ph, thị trấn PhX (xã PhX), huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

8. Anh Lê Văn Th1, sinh năm 1995, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn LGi, xã TH, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án diễn biến tại Ph1ên tòa thì vụ án được tóm tắt như sau: Trong tháng 10/2019, Trần Văn L1, sinh năm 1995 ở Thôn Ph, xã PhX, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang đã 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 13/10/2019, Trần Văn L1 đến phòng trọ của anh Lăng Đình Ph1, sinh năm 1987 ở Thôn Th1, xã ĐL, huyện YTh chơi (phòng trọ ở thôn ThCh, xã PhX, huyện YTh). Anh Ph1 có hỏi xin L1 01 cây máy vi tính thì L1 đồng ý và bảo anh Ph1 chở L1 về nhà. Sau đó anh Ph1 điều khiển xe mô tô nhãn H1 Yamaha Sirius biển kiểm soát 98C1-024.12 chở L1 đi đến gần nhà L1 thì L1 bảo anh Ph1 dừng xe đứng đợi để L1 đi lấy cây máy vi tính thì anh Ph1 đồng ý giao xe cho L1. Lúc này, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên L1 nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Ph1. L1 gọi điện cho anh Lâm Văn S1, sinh năm 1987 ở Thôn Ph, xã PhX, huyện YTh hỏi chỗ cắm xe thì S1 bảo *"mày đón cậu để đi lên nhà H2 , mày đón cậu ở nhà cậu"*. L1 điều khiển xe mô tô của anh Ph1 đến đón và kèm S1 đến nhà anh Trần Thế H2, sinh năm 1974 ở Thôn ChCh, xã ĐL, huyện YTh. Tại đây, L1 nói dối anh H2 là xe của L1. Anh S1 nói với H2 *"xe của thằng cháu cầm hộ nó mấy hôm"* thì H2 hỏi *"cầm bao nhiêu tiền"*, L1 nói *"cầm cho cháu hai triệu"*. H2 bảo *"xe này chỉ cầm được triệu rưỡi thôi"* thì L1 đồng ý. H2 yêu cầu L1 viết giấy vay H2 số tiền 1.500.000 đồng, L1 để lại xe mô tô làm tin. H2 cầm giấy rồi đưa cho L1 1.500.000 đồng. Sau đó L1 cùng S1 đi về, một mình L1 đã chi tiêu cá nhân hết. Khoảng 10 ngày sau, L1 gọi điện cho H2 bảo H2 cho L1 lấy xe đi cầm cố chỗ khác để lấy tiền trả H2 , H2 đồng ý. L1 đã gọi điện nhờ Đặng Văn L4, sinh năm 1974 ở phố TQu, thị trấn NhN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang cầm cố xe hộ, L4 đồng ý. H2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98C1-024.12 đón L1 đến nhà L4

thì L1 về trước, còn H2 và L4 đến quán Karaoke 68 thị trấn CTh, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Tại đây, L4 bảo Mai Văn H3, sinh năm 1990 ở thôn ĐĐ8, xã TTr, huyện TY, tỉnh Bắc Giang *"cho thằng em anh vay ít tiền, nó để lại cái xe làm tin"* thì H3 đồng ý đưa cho H2 2.300.000 đồng, H2 để lại xe mô tô cho H3. H2 giữ lại số tiền 1.850.000 đồng là tiền gốc và lãi đã cho L1 vay và đưa cho L1 450.000 đồng, L1 chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 15/10/2019, anh Ph1 đã có đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện YTh về việc bị L1 chiếm đoạt xe mô tô.

Ngày 18/11/2019 anh H2 giao nộp giấy L1 viết vay tiền đặt xe cho anh H2. Ngày 19/11/2019, Cơ quan điều tra tạm giữ xe mô tô 98C1-024.12 do anh H3 giao nộp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐGTS ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YTh kết luận: 01 xe mô tô nhãn H1 Yamaha Sirius biển kiểm soát 98C1- 024.12, màu đỏ - đen, dung tích 110, đăng ký lần đầu ngày 15/11/2011, xe cũ đã qua sử dụng, giá tài sản trên còn lại tại thời điểm tháng 10/2019 là 5.500.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 1990/KL-KTHS ngày 16/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên Trần Văn L1 trên tài liệu cần giám định ký H1 A so với chữ viết, chữ ký của Trần Văn L1 trên các tài liệu mẫu ký H1 từ M1 đến M5 do cùng một người ký, viết ra.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98C1- 024.12 là của anh Lăng Đàm Ng1, sinh năm 1987 ở Thôn Th1, xã ĐL, huyện YTh (là anh trai của Ph1). Ngày 05/01/2020, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Ng1.

Vụ thứ hai: Khoảng một ngày đầu tháng 10/2019, Đặng Văn T1, sinh ngày 31/10/2003 ở Thôn LGi, xã TH, huyện YTh có cho Hoàng Tuấn A1, sinh năm 1992 ở thôn ThCh, xã PhX, huyện YTh mượn điện thoại đi cầm cố. T1 đến nhà Tuấn A1 nhiều lần để đòi trả lại điện thoại nhưng không gặp Tuấn A1 và gặp L1 tại nhà Tuấn A1. Thấy vậy, L1 lấy số điện thoại của T1 để khi nào về sẽ báo lại cho Tuấn A1 biết. Sáng ngày 15/10/2019, do không có tiền tiêu sài nên L1 nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của T1. L1 đã gọi điện thoại cho L1 để hỏi lấy lại được điện thoại hay chưa thì T1 nói cho L1 biết là Tuấn A1 chưa trả điện thoại. Thấy vậy, L1 đã nói dối T1 là vừa bán vòng bạc được 1.500.000 đồng, L1 sẽ vay hộ thêm tiền để cho T1 vay để chuộc điện thoại và hẹn chiều tối gặp. Khoảng 18 giờ cùng ngày, khi L1 đang ở khu vực đường thuộc Thôn Ph, xã

PhX, huyện YTh cùng với Lâm Văn S1; L1 nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của T1 nên L1 nhắn tin cho T1 hỏi *"về chưa"*, T1 gọi điện bảo L1 *"em về rồi"*. L1 nói dối T1 *"bao giờ về lên chỗ đất trống đầu đường mới đón anh, chở anh đi lấy tiền để chuộc điện thoại cho"*, T1 bảo *"vâng"*. Sau khoảng 15 phút, T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12H1-065.20 đến. L1 tiếp tục nói dối T1 *"mày đưa anh và cậu anh về nhà cậu lấy tiền để chuộc điện thoại"*. T1 tưởng thật nên đồng ý. T1 điều khiển xe mô tô chở L1 và S1 đến gần nhà S1 thì L1 nói dối T1 *"đỗ lại để anh đèo cậu anh về, không về đông người, bà lại bảo tụ tập, đàn đúm"*. T1 tưởng thật bảo *"vâng, anh đi nhanh xong quay lại đón em"*, sau đó giao xe mô tô cho L1. Khoảng 05 phút sau không thấy L1 quay lại, T1 nhắn tin hỏi *"sao lâu thế"*, L1 nhắn lại *"bà đang tắm, đợi tí"*. Sau đó T1 gọi điện cho L1 nhưng không liên lạc được nữa. Đối với L1, sau khi nói dối T1 đã điều khiển xe mô tô chở S1 đến nhà Trần Thế H2, sinh năm 1974 ở Thôn ChCh, xã ĐL, huyện YTh. Tại đây, L1 nói dối là xe của mẹ vợ L1 và bảo H2 cầm xe lấy 2.000.000 đồng thì H2 đồng ý. L1 viết giấy đưa cho H2 , H2 đưa tiền cho L1, số tiền này một mình L1 chi tiêu hết.

Khoảng cuối tháng 10/2019, L1 gọi điện bảo H2 cho L1 lấy xe mô tô biển kiểm soát 12H1-065.20 ra mang đi cầm cố chỗ khác để lấy tiền trả H2 , H2 đồng ý. H2 điều khiển xe mô tô này đón L1 đến nhà chị Dương Thị H4, sinh năm 1975 ở thôn ChS, xã NgCh, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Tại đây, L1 cầm cố xe cho chị H4 được số tiền 3.500.000 đồng. Do L1 nói L1 đang vay tiền H2 và bảo chị H4 đưa cho H2 nên chị H4 đưa H2 cầm 3.500.000 đồng, sau đó H2 và L1 đi ta xi về. Trên đường về, H2 giữ lại 2.200.000 đồng là tiền gốc và lãi đã cho L1 vay, H2 đưa cho L1 1.300.000 đồng, L1 đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 16/10/2019, anh T1 có đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện YTh về việc bị L1 chiếm đoạt xe mô tô.

Tại Kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐGTS ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YTh kết luận: 01 xe mô tô nhãn H1 Yamaha Sirius, biển kiểm soát 12H1-065.20, màu đỏ - đen, dung tích 110, xe đăng ký lần đầu ngày 16/01/2013, xe cũ đã qua sử dụng, giá tài sản trên còn lại tại thời điểm tháng 10/2019 là 6.000.000 đồng.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1- 065.20 là của chị Lê Thị H1, sinh năm 1974 ở Thôn LGi, xã TH, huyện YTh (là mẹ đẻ T1); Ngày 21/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa có kết quả.

***Vụ thứ ba*:** Khoảng 19 giờ ngày 28/10/2019, khi L1 đang ở nhà anh Gia Lan H5, sinh năm 1994 ở Thôn Ch, xã PhX, huyện YTh thì anh H5 mượn điện thoại của L1 nhắn tin cho anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1998 ở Thôn ĐB, xã TH, huyện YTh đến nhà Hiệp chơi. Anh H1 điều khiển xe mô tô nhãn H1 Honda Wave A, biển kiểm soát 98D1-510.56 đến nhà Hiệp. Lúc này, do không có tiền ăn tiêu nên L1 nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh H1. L1 nói dối anh H1 là *"cho tao mượn xe lên nhà dì lấy tiền"*. Anh H1 tưởng thật nên đồng ý giao xe mô tô cho L1. L1 điều khiển xe của H1 đến nhà Dương Thị H4, sinh năm 1975 ở thôn ChS, xã NgCh, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Tại đây, L1 nói dối với chị H4 *"cô cầm cho cháu cái xe của thằng bạn nó nhờ mang đi, cầm cho cháu năm triệu mấy hôm cháu lấy"* thì H4 đồng ý và đưa cho L1 4.500.000 đồng, cắt lãi 500.000 đồng. L1 đã chi tiêu hết số tiền đó rồi bỏ trốn. Ngày 29/10/2019, anh H1 có đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện YTh về việc bị L1 chiếm đoạt xe mô tô.

Khoảng 06 ngày sau, chị H4 gọi điện bảo L1 chuộc xe. Do không có tiền nên L1 gọi điện nhờ anh Lục Văn H6, sinh năm 2000 ở thôn BB, xã NhN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang nhờ H6 dẫn Hoàng Văn H1 đi chuộc xe. H6 gọi điện thoại cho H1 bảo đi chuộc xe thì H1 đồng ý. Sau đó H1 cùng ông Hoàng Văn Th1, sinh năm 1972 ở Thôn ĐB, xã TH (bố H1) và anh Nguyễn Văn Qu1, sinh năm 1980 ở Thôn A, xã TH đến gặp chị H4 . Ông Thắng đã dùng 5.000.000 đồng để chuộc xe mô tô biển kiểm soát 98D1-510.56 từ chị H4 .

Tại Kết luận định giá tài sản số 86/KL-HĐĐGTS ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YTh kết luận: 01 xe mô tô nhãn H1 Honda Wave A, biển kiểm soát 98D1-510.56, màu xanh - đen - bạc, dung tích 97, xe đăng ký lần đầu ngày 16/02/2016, xe cũ đã qua sử dụng, giá tài sản trên còn lại tại thời điểm tháng 10/2019 là 8.500.000 đồng.

Ngày 18/11/2019, Trần Văn L1 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện YTh giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Tạm giữ của L1: 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone4, vỏ ngoài màu trắng, màn hình có nhiều vết rạn nứt và có dán băng dính màu xanh, số IMEI 013052003438617, có lắp 01 sim mạng Viettel.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1-510.56 là của anh Hoàng Văn L5, sinh năm 1995 ở Thôn ĐB, xã TH, huyện YTh (là anh trai của H1). Anh L5 đã nhận lại xe do ông Thắng chuộc từ chị H4 ;

Quá trình điều tra, L1 khai cả hai lần mang xe mô tô biển kiểm soát 98C1-024.12 và xe mô tô biển kiểm soát 12H1-065.20 đến cầm cố cho H2 nhưng H2 khai L1 đem xe đến đặt làm tin để vay tiền. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng L1 và H2 vẫn giữ nguyên lời khai. Anh Lăng Đình Ph1 khai: Khi cho L1 mượn xe mô tô thì trong cốp xe có 2.720.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên L1 khai L1 không mở cốp xe mô tô nên không biết có tiền hay không. Quá trình điều tra, Ph1 và L1 từ chối đối chất. Do vậy, không đủ căn cứ xác định L1 chiếm đoạt số tiền trên của anh Ph1.

Dương Thị H4 không thừa nhận cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 12H1-065.20 và xe mô tô biển kiểm soát 98D1-510.56. Cơ quan điều tra đã triệu tập H4 để đối chất nhưng H4 không chấp hành.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Ph1, anh H3 và anh L5 không yêu cầu bồi thường gì. Anh T1 yêu cầu L1 bồi thường 6.000.000 đồng; anh H1 yêu cầu L1 bồi thường cho ông Thắng 5.000.000 đồng, L1 chưa bồi thường.

Cáo trạng số 09/CT-VKS-YT ngày 06/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh truy tố bị cáo Trần Văn L1 về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 175 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại Ph1ên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh đã truy tố bị cáo.

Anh Trần Thế H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại Ph1ên tòa trình bày: Tôi chỉ là người cho L1 vay tiền và việc L1 để lại xe máy là để làm tin và tôi cũng không biết 2 chiếc xe máy mà L1 để lại làm tin là tài sản do L1 phạm tội mà có.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bầy luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng số 09/QĐ -KSĐT ngày 06/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Tuyên bố bị cáo Trần Văn L1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h, i khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Văn L1 từ 14 đến 18 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và từ 16 đến 20 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt

chung cho cả hai tội từ 30 đến 38 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 18/11/2019.

Về trách nhiệm Dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1, khoản 3 Điều 589 BLDS, buộc Trần Văn L1 bồi thường cho anh Đặng Văn T1 (do bà Lê Thị H1 đại diện) 6.000.000 đồng; bồi thường cho ông Hoàng Văn Th1 5.000.000 đồng.

Ngoài ra viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về án phí và vật chứng.

Bị cáo Trần Văn L1: Không tranh luận gì.

Anh Trần Thế H2: Không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Văn L1: Bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình là sai và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Ph1ên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện YTh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Ph1ên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc kH6 nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại Ph1ên tòa hôm nay, các bị hại, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại Ph1ên toà hôm nay, bị cáo Trần Văn L1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 13/10/2019, tại Thôn Ph, xã PhX(nay là thị trấn PhX), huyện YTh, tỉnh Bắc Giang; Sau khi được anh Lăng Đình Ph1 cho mượn và giao xe mô tô

biển kiểm soát 98C1 - 024.12 do không có tiền chi tiêu. L1 đã nảy sinh ý định và mang chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98C1-024.12 đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân hết. Chiếc xe trên đã được hội đồng định giá tố tụng huyện YTh xác định giá trị xe là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Khi thực hiện hành vi trên bị cáo L1 có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của Trần Văn L1 đã cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Đến ngày 15/10/2019, tại Thôn Ph, xã PhX(nay là thị trấn PhX), huyện YTh, tỉnh Bắc Giang; Do không có tiền chi tiêu cá nhân Trần Văn L1 nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đã nói dối anh Đặng Văn T1 cho mượn xe mô tô biển kiểm soát 12H1-065.20 để bị cáo L1 đi lấy tiền cho anh T1 chuộc điện thoại, anh T1 tưởng thật đã giao xe cho L1, L1 mang xe mô tô đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân hết. Chiếc xe trên đã được hội đồng định giá tố tụng huyện YTh xác định giá trị xe là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Tiếp theo, ngày 28/10/2019, tại Thôn Ch, xã PhX(nay là thị trấn PhX), huyện YTh, tỉnh Bắc Giang; Do không có tiền chi tiêu cá nhân, Trần Văn L1 đã nói dối anh Hoàng Văn H1 cho mượn xe mô tô biển kiểm soát 98D1-510.56 để bị cáo L1 đi lấy tiền thì anh H1 tưởng thật đã giao xe mô tô cho L1, sau đó bị cáo L1 mang xe mô tô đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân hết. Chiếc xe trên đã được hội đồng định giá tố tụng huyện YTh xác định giá trị xe là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Khi thực hiện hành vi trên bị cáo L1 có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của Trần Văn L1 đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, bản cáo trạng số 09/QĐ -KSĐT ngày 06/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh đã truy tố Trần Văn L1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa pH4 , gây mất trật tự trị an tại địa pH4 , gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy cần phải có một mức án

nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[4]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Năm 2015, bị cáo bị Tòa án TY xử 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" bị cáo L1 chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 22/6/2016 tuy nhiên bị cáo chưa chấp hành án phí và bồi thường dân sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội đối với anh Đặng Văn T1, sinh ngày 23/10/2003 tại thời điểm phạm tội đối với anh T1, anh T1 chưa đủ 16 tuổi. Ngoài ra, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ 2 lần trở lên. Do đó bị cáo phải chịu 03 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại g, h, i khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại Ph1ên toà hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6]. Về hình phạt:

- Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có một tiền án về tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tháng 6/2016 mới ra trại, trở về địa pH4 chưa lâu đến tháng 10/2019 tiếp tục phạm tội cùng loại tội. Điều đó chứng tỏ rằng bị cáo là con người khó giáo dục, có ý thức coi thường pháp luật. Do vậy lần phạm tội này cần có mức án thật nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

- Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với anh Lăng Đình Ph1, anh Mai Văn H3, anh Hoàng Văn L5 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đặng Văn T1 yêu cầu L1 phải bồi thường 6.000.000 đồng là giá trị chiếc xe máy có biển kiểm soát 12H1-065.20, nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đặng Văn T1 số tiền 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1-065.20 là chiếc xe thuộc sở hữu của chị Lê Thị H1, sinh năm 1974 (là mẹ của bị hại T1); Địa chỉ: Thôn LGi, xã TH, huyện YTh, tỉnh Bắc Giang. Chị Lê Thị H1 có đơn yêu cầu bồi thường giá trị chiếc xe trên. Tại Ph1ên tòa, bị cáo L1 đồng ý bồi thường cho chị Lê Thị H1, để đảm bảo quyền lợi của chị Lê Thị H1 cần áp dụng Điều 370 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo L1 phải bồi thường cho chị Lê Thị H1 số tiền 6.000.000 đồng.

Anh Hoàng Văn H1 yêu cầu L1 bồi thường cho ông Hoàng Văn Th1 số tiền 5.000.000 đồng. Đây là số tiền cá nhân của ông Hoàng Văn Th1 bỏ ra để chuộc lại chiếc xe mô tô có biển kiểm soát 98D1-510.56 nên cần buộc bị cáo L1 phải bồi thường cho ông Hoàng Văn Th1 số tiền 5.000.000 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án cần án dụng khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

[8]. Về vật chứng:

-01 (một) điện thoại di động kiểu dáng Iphone 4. vỏ ngoài màu trắng, màn hình điện thoại có nhiều vết rạn nứt và có dán băng dính màu xanh, Số IMEI: 013052003438617 (điện thoại có lắp 01 sim mạng Viettel). Hiện tại điện thoại không lên nguồn nên không kiểm tra được số IMEI. Đây là tài sản của bị cáo L1 không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9]. Quá trình điều tra, L1 khai cả hai lần mang xe mô tô biển kiểm soát 98C1-024.12 và xe mô tô biển kiểm soát 12H1-065.20 đến cầm cố cho H2 nhưng H2 khai L1 đem xe đến đặt làm tin để vay tiền. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng L1 và H2 vẫn giữ nguyên lời khai. Anh Lăng Đình Ph1 khai: Khi cho L1 mượn xe mô tô thì trong cốp xe có 2.720.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên L1 khai L1 không mở cốp xe mô tô nên không biết có tiền hay không. Quá trình điều tra, Ph1 và L1 từ chối đối chất. Do vậy, không đủ căn cứ xác định L1 chiếm đoạt số tiền trên của anh Ph1.

- Chị Dương Thị H4 không thừa nhận cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 12H1-065.20 và xe mô tô biển kiểm soát 98D1-510.56. Cơ quan điều tra đã triệu tập H4 để đối chất nhưng H4 không chấp hành.

- Trong vụ án, các đối tượng: Lâm Văn S1, Trần Thế H2, Dương Thị H4, Đặng Văn L4, Mai Văn H3, Gia Lan H5 đều không biết nguồn gốc các xe mô tô L1 mang đi cầm cố là tài sản do L1 phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý. Khi nhận cầm cố xe của L1, H2 không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự nên Cơ quan điều tra chuyển tài liệu liên quan đến để Đội cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện YTh để xử lý hành chính. Dương Thị H4 và Mai Văn H3 nhận cầm cố xe khi không có giấy tờ xe; Cơ quan điều tra đã chuyển phần tài liệu này đến Công an huyện TY để xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định.

- Quá trình điều tra, xác định Lục Văn H6, sinh năm 2000, ở BB, thị trấn NhN, huyện TY là người được Trần Văn L1 nhờ giúp liên lạc với anh Hoàng Văn H1 và hướng dẫn anh H1 đi chuộc lại xe biển kiểm soát 98D1-510.56. Tuy nhiên, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện YTh đã nhiều lần đến nhà anh H6 để triệu tập làm việc nhưng anh H6 không có nhà. Căn cứ vào chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án Cơ quan Cảnh sát công an huyện YTh thấy không có căn cứ để xử lý anh H6.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

[11]. Về tiền án phí. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn L1 phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Văn L1 08 (Tám) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h, i khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn L1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Văn L1 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a, khoản 1 điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc bị cáo Trần Văn L1 phải chấp hành hình phạt chung là 23 (Hai ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 18/11/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

***Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

Trả lại bị cáo Trần Văn L1 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng Iphone 4. vỏ ngoài màu trắng, màn hình điện thoại có nhiều vết rạn nứt và có dán băng dính màu xanh, Số IMEI: 013052003438617 (điện thoại có lắp 01 sim mạng Viettel) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

***Về trách nhiêm dân sự:** Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 370; khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585, Điều 589 bộ luật dân sự. Buộc bị cáo

Trần Văn L1 phải bồi thường cho chị Lê Thị H1 số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) và ông Hoàng Văn Th1 số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời H1 thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Về án phí:** Áp dụng Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn L1 phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án phí Dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn L1 phải chịu 550.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo, Bị hại, Người liên quan.
- VKSND huyện YTh.
- VKS tỉnh Bắc Giang.
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- CQĐT, CQTHAHS Công an huyện YTh.
- Trại Tạm giam CA tỉnh Bắc Giang.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ Toạ Ph1ên toà

(Đã ký)

Dương Đình Hưng